



Meropa® Synthetic EP

Dầu bánh răng công nghiệp chịu cực áp tổng hợp

Bảng dữ liệu sản phẩm



Ưu điểm

Bền nhiệt

Bền nhiệt và bền ô-xy hóa xuất sắc giúp giảm sự hình thành cặn lắng, duy trì hệ thống dầu tuần hoàn và bánh răng sạch hơn.

Bảo vệ bề mặt kim loại

Phụ gia EP đặc biệt đem lại sự bảo vệ chống mài mòn bề mặt bánh răng và ổ trục khi vận hành trong điều kiện tải nặng. Các phụ gia ức chế chống ăn mòn và gỉ sét hiệu quả, bảo vệ tất cả các chi tiết máy của hệ thống.

Hiệu năng được chứng thực

Đặc tính tách nước và tách khí xuất sắc giúp giảm nguy cơ mài mòn bề mặt do mất lớp màng dầu bôi trơn. Tương thích với nhiều loại vật liệu niêm kín thông dụng và các loại dầu gốc khoáng thông dụng giúp loại bỏ các sự cố vận hành hành khi thay đổi loại dầu.

Ứng dụng

- Tất cả hệ thống bánh răng trên các thiết bị công nghiệp di động và tĩnh tại, nơi mà yêu cầu dầu bánh răng chịu cực áp, bao gồm cả bánh răng thẳng, bánh răng nón, và bánh vít-trục vít.
- Ổ bạc trượt và ổ bạc chống ma sát chịu tải nặng.
- Hệ thống dầu tuần hoàn yêu cầu dầu nhờn có phụ gia chịu cực áp EP.
- Máy móc hoạt động ngoài trời tiếp xúc với điều kiện nhiệt độ môi trường thay đổi rộng như hộp giảm tốc cần cầu, vận thăng và tời.
- Hộp số giảm tốc, nhông xích, nhông và khớp nối mềm.
- Hệ thống bôi trơn dạng bể, vẩy té, tuần hoàn và phun.

Đặc tính sản phẩm:

• **Meropa® Synthetic EP** là dầu bánh răng và tuần hoàn chịu cực áp tổng hợp cao cấp được thiết kế sử dụng cho nhiều thiết bị công nghiệp vận hành dưới các điều kiện làm việc khắc nghiệt như tải nặng và / hoặc tải va đập và nhiệt độ cao, nơi mà tuổi thọ dầu ngắn khi sử dụng dầu bánh răng thông thường.

• **Meropa® Synthetic EP** được lên công thức từ sự kết hợp của dầu gốc poly-alpha-olefin, dầu gốc ester và hệ phụ gia tuyển chọn để đem lại hiệu năng chịu cực áp và bảo vệ chống mài mòn xuất sắc, tăng độ bền ô-xy hóa / bền nhiệt và bảo vệ chống ăn mòn và gỉ sét.



Meropa® Synthetic EP

Dầu bánh răng công nghiệp chịu cực áp tổng hợp

Bảng dữ liệu sản phẩm

Thông số kỹ thuật

MEROPA® SYNTHETIC EP CÁC ĐẶC TÍNH CHÍNH					
Cấp độ nhớt ISO	150	220	320	460	680
Mã sản phẩm	530479	530480	530481	530482	530483
Mức tải FZG	>12	>12	>12	>12	>12
Điểm rót chảy, °C	-51	-45	-39	-36	-30
Điểm chớp cháy, COC, °C	238	238	238	240	242
Tải hàn dính 4 bi, kg	250	250	250	250	250
Độ nhớt,					
mm ² /s ở 40°C	143	209	304	437	646
mm ² /s ở 100°C	19.9	26.9	35.8	47.0	63.0
Chỉ số độ nhớt	162	164	165	166	168

1607

Các tiêu chuẩn hiệu năng

- ANSI/AGMA 9005-E02 EP
- AIST 224 (tên cũ U.S. Steel 224)
- Joy TO-SMEP (ISO 220) và TO-SHEP (ISO 320)
- Được chấp thuận bởi Hitachi Construction Truck Manufacturing Ltd. cho dầu truyền động cuối AC (ISO 460 và ISO 680)
- DIN 51517 Part 3 CLP

MÔI TRƯỜNG, SỨC KHỎE và SỰ AN TOÀN

Thông tin về các vấn đề này có trong Phiếu An toàn Hóa chất (MSDS) và Tài liệu hướng dẫn an toàn cho sản phẩm Caltex. Khách hàng nên tham khảo các tài liệu này và tuân thủ các hướng dẫn và quy định của luật pháp về sử dụng và thải bỏ dầu nhớt. Để có Phiếu MSDS hãy vào trang web: www.caltexoils.com.

Bảng dữ liệu Sản phẩm này được biên soạn với tinh thần trung thực, căn cứ trên các thông tin tốt nhất có được tại thời điểm phát hành. Mặc dù những số liệu đưa ra trên đây là tiêu biểu nhưng vẫn có thể có sai số nhỏ, không ảnh hưởng đến hiệu năng của sản phẩm. Khách hàng có trách nhiệm sử dụng sản phẩm đúng với các ứng dụng đã chỉ định.

Phát hành bởi:

Chevron Lubricants

- Châu Á Thái Bình Dương